

Số: 31/TC-KT

Hà nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

(V/v: Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán
đối với Báo cáo tài chính năm 2022)

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

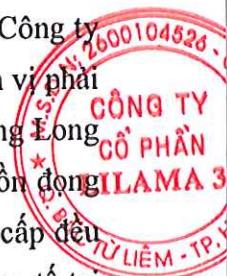
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp số 019/2023/BCKTTH-PB.00407 và Báo cáo tài chính Hợp nhất số 019/2022/BCKTHN-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh phía Bắc phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2023

Liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2022 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh Phía Bắc trong đó ý kiến Kiểm toán không chấp nhận toàn phần đối với báo cáo. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long do: cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đơn vị mua lại 36% cổ phần của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long từ Tổng Công ty Thăng Long và mua lại 36% cổ phần từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Hiện đơn vị là Công ty mẹ của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long với tỷ lệ 72% vốn cổ phần. Theo quy định đơn vị phải thực hiện hợp nhất bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long tuy nhiên do Công ty này đã dừng hoạt động từ vài năm nay, chưa giải quyết được các tồn đọng cũ, các số liệu về báo cáo tài chính từ năm 2015;2016;2017;2018 của Công ty này cung cấp đều chưa được Kiểm toán. Do mới tiếp nhận lại và đang thực hiện nắm bắt lại tình hình thực tế tại Công ty này nên đơn vị chưa công nhận số liệu đã được cung cấp. Đơn vị đã lên kế hoạch mời đơn vị Kiểm toán vào rà soát kiểm tra lại các số liệu sổ sách, khi số liệu được Kiểm toán đơn vị sẽ thực hiện Hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định.

+ Báo cáo tài chính năm 2017; 2018; 2019; 2020; 2021 và năm 2022 của Công ty cổ phần LILAMA3.4 chưa được kiểm toán là do Công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2017, các cán bộ công nhân viên của công ty đã chuyển công tác, hiện tại Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

+ Công ty TNHH LILAMA3-Dai Nippon Toryo có số Lỗ lũy kể đến 31/12/2022 là 10.927.671.764 đồng, Công ty này đã có quyết định giải thể trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần vốn sở hữu của hai nhà đầu tư trong công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên khả năng cơ cấu lại hoặc chuyển nhượng phần vốn này phụ



thuộc vào việc Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ của Công ty, cũng như việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư. Tuy nhiên hiện tại Quý 1/2023 việc thu hồi nợ vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vẫn chưa thể hoàn thành ngay được, vì vậy vẫn chưa xác định được thời gian giải thể và công ty này vẫn đang hoạt động bình thường.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cắt trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 là do một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên các Đơn vị trưởng của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Khoản Lỗ lũy kế, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá Vốn chủ sở hữu là do khoản nợ phải trả Ông Doãn Thanh Tuấn số tiền 144.757.200.000, đồng. Trong năm 2022, Công ty đã có thỏa thuận với Ông Doãn Thanh Tuấn về việc hoán đổi nợ thành cổ phiếu tương ứng đồng thời Ông Doãn Thanh Tuấn cam kết sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp thông qua phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu.

Vậy Công ty cổ phần LILAMA 3 xin giải trình cho Quý Cơ quan và Quý nhà đầu tư được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như kính gửi
- Lưu TC-KT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dinh Tiến Thành

C.C.T.C.P
Môi

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
	Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp	9
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Trụ sở chính : 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : (84.4) 3818 2554
- Fax : (84.4) 3818 2550

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Lưu Văn Kính	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04/04/2022
Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Doãn Thanh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/03/2022
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/03/2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Bà Hà Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Phạm Xuân Rạng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022
Ông Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
Ông Tạ Như Điền	Kiểm soát viên	
Ông Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 10/03/2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/04/2022
Ông Đinh Tiến Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/04/2022
Ông Nguyễn Tăng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Đinh Tiến Thành - Tổng Giám đốc (sinh ngày 06/12/1981; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 037081005363 do Cục Cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; Địa chỉ thường trú: tổ 17 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam; Chỗ ở hiện nay: P1007 R4R KĐT GoldMark 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh tổng hợp

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.564.296.442	158.996.101.529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	298.326.215	389.690.029
1. Tiền	111		298.326.215	389.690.029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.773.181.305	136.505.922.207
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	98.289.790.445	78.338.533.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.888.143.535	5.970.762.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	27.201.006.523	28.361.313.758
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(50.554.654.079)	(48.113.582.024)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	71.948.894.881	71.948.894.881
IV. Hàng tồn kho	140		21.208.726.279	21.816.426.650
1. Hàng tồn kho	141	5.7	21.208.726.279	21.816.426.650
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.062.643	284.062.643
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.062.643	284.062.643
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.252.108.775	8.487.368.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		964.196.800	4.723.463.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	964.196.800	4.723.463.611
- Nguyên giá	222		19.830.183.967	37.132.085.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.865.987.167)	(32.408.621.909)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		41.620.000	41.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.620.000)	(41.620.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.263.650.205	1.233.003.176
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.263.650.205	1.233.003.176
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	166.956.022	166.956.022
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.084.000.000	13.084.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.917.043.978)	(12.917.043.978)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		857.305.748	2.363.945.275
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	857.305.748	2.363.945.275
TỔNG TÀI SẢN	270		176.816.405.217	167.483.469.613

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.644.346.791	576.560.379.457
I. Nợ ngắn hạn	310		312.644.346.791	576.560.379.457
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	43.744.776.417	56.140.125.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	6.151.776.580	8.827.956.102
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.985.395.322	5.001.845.466
4. Phải trả người lao động	314		3.125.156.662	3.149.447.329
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	20.933.774.685	14.618.364.416
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	57.152.720.226	69.360.873.469
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	175.530.487.164	419.441.507.894
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.259.735	20.259.735
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(135.827.941.574)	(409.076.909.844)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(135.827.941.574)	(409.076.909.844)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	7.173.239.116
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	234.189.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(187.327.941.574)	(482.234.338.193)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(227.723.094.715)	(470.911.968.642)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.395.153.141	(11.322.369.551)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		176.816.405.217	167.483.469.613



Đinh Tiên Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	62.933.659.684	26.407.134.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.933.659.684	26.407.134.364
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	55.238.758.871	24.255.633.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.694.900.813	2.151.500.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	507.033	319.454
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.768.852.671	12.074.416.503
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.768.852.671	11.028.117.759
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.760.118.995	5.499.877.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.833.563.820)	(15.422.474.274)
11. Thu nhập khác	31	6.6	50.826.964.741	6.593.997.913
12. Chi phí khác	32	6.7	5.598.247.780	2.493.893.190
13. Lợi nhuận khác	40		45.228.716.961	4.100.104.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.395.153.141	(11.322.369.551)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.395.153.141	(11.322.369.551)



Đình Tiên Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.395.153.141	(11.322.369.551)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		682.937.073	846.296.428
- Các khoản dự phòng	03		2.441.072.055	(5.372.942.470)
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(4.938.963.305)	(319.454)
- Chi phí lãi vay	06		2.768.852.671	11.028.117.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.349.051.635	(4.821.217.288)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.915.738.561)	23.051.554.647
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		607.700.371	733.743.389
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		222.077.110.795	(22.173.226.436)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.506.639.527	530.200.071
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.013.021.292)	(9.961.817.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		239.611.742.475	(12.640.763.020)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(154.351.578)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.207.407.408	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	597.175.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		507.033	319.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.207.914.441	443.142.876
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		39.892.077.141	30.175.679.376
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(283.803.097.871)	(17.811.993.969)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(243.911.020.730)	12.363.685.407
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(91.363.814)	166.065.263
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	389.690.029	223.624.766
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	298.326.215	389.690.029



Đinh Tiên Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2600104526 ngày 13/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ.

1.4 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty có 3 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

1.5 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 83 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu uỷ thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	182.274.264	149.365.759
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.051.951	240.324.270
Cộng	298.326.215	389.690.029

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.289.725.382	74.228.533.472
- Công ty TNHH Xây Dựng Dân dụng và Công nghiệp DELTA	1.302.531.515	2.088.723.143
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	6.974.803.117	12.256.285.561
- Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	7.166.882.001
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	4.206.430.034
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	5.283.708.000
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	2.663.068.439	2.663.068.439
- Công ty Cổ phần mặt dựng CAG	2.260.702.053	5.749.308.651
- Tổng công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	4.650.967.168	-
- Khách hàng khác	39.780.633.055	34.814.127.643
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	24.000.065.063	4.110.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	24.000.065.063	4.110.000.000
Cộng	98.289.790.445	78.338.533.472

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.900.610.135	5.321.328.720
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	-	612.853.492
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Toàn Phát	276.800.300	-
- Công ty Cổ Phần GAS PETROLIMEX	-	211.229.000
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	868.188.137
- Khách hàng khác	2.755.621.698	3.629.058.091
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	987.533.400	649.433.400
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	987.533.400	649.433.400
Cộng	4.888.143.535	5.970.762.120

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu khác	19.901.461.820	(4.043.978.911)	21.539.483.269	(3.521.925.754)
- Tạm ứng	7.299.544.703	(4.485.628.102)	6.821.830.489	(4.370.722.805)
Cộng	27.201.006.523	(8.529.607.013)	28.361.313.758	(7.892.648.559)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng		43.381.666.645	(39.271.666.645)	42.475.054.066	(38.326.023.883)
- Công ty Cổ phần Lisemco	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	> 3 năm	1.913.994.851	(1.913.994.851)	1.974.479.851	(1.974.479.851)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Công ty Cổ phần LILAMA5	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjoc	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	> 3 năm	1.027.882.745	(1.027.882.745)	1.027.882.745	(1.027.882.745)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	> 3 năm	4.110.000.000	-	4.110.000.000	-
- Đối tượng khác	> 3 năm	10.557.561.361	(10.557.561.361)	9.590.463.782	(9.551.433.599)
b. Phải thu khác		8.529.607.013	(8.529.607.013)	7.892.648.559	(7.892.648.559)
- Tạm ứng nhân viên	> 3 năm	4.485.628.102	(4.485.628.102)	4.370.722.805	(4.370.722.805)
- Đối tượng khác	> 3 năm	4.043.978.911	(4.043.978.911)	3.521.925.754	(3.521.925.754)
c. Trả trước cho người bán		2.753.380.421	(2.753.380.421)	1.894.909.582	(1.894.909.582)
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	> 3 năm	1.885.192.284	(1.885.192.284)	1.026.721.445	(1.026.721.445)
Cộng		54.664.654.079	(50.554.654.079)	52.262.612.207	(48.113.582.024)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		71.391.018.932		71.391.018.932
- Tài sản khác		557.875.949		557.875.949
Cộng	-	71.948.894.881	-	71.948.894.881

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch Hạc chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.559.098.067	-	1.681.263.126	-
- Công cụ, dụng cụ	1.457.528	-	393.328	-
- Chi phí SXKD dở dang	18.648.170.684	-	20.134.770.196	-
Cộng	21.208.726.279	-	21.816.426.650	-

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	394.450.733	1.471.029.495
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	8.660.000	44.455.797
- Các khoản khác	454.195.015	848.459.983
Cộng	857.305.748	2.363.945.275

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2022	41.620.000	41.620.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2022	41.620.000	41.620.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2022	-	-
- Tại ngày 31/12/2022	<u>-</u>	<u>-</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:		
- Tại ngày 01/01/2022	41.620.000	41.620.000
- Tại ngày 31/12/2022	<u>41.620.000</u>	<u>41.620.000</u>

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
- Hạ tầng khu C	500.741.300	500.741.300
- Nhà xưởng Bến Gót	184.998.607	154.351.578
Cộng	<u>1.263.650.205</u>	<u>1.233.003.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2022	460.600.507	22.250.647.983	13.946.912.031	473.924.999	37.132.085.520
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.985.348.656)	(2.638.919.966)	(370.590.000)	(15.994.858.622)
- Giảm khác - Phân loại lại		(1.307.042.931)	-	-	(1.307.042.931)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>460.600.507</u>	<u>7.958.256.396</u>	<u>11.307.992.065</u>	<u>103.334.999</u>	<u>19.830.183.967</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2022	460.600.507	18.510.143.212	12.963.953.191	473.924.999	32.408.621.909
- Khấu hao trong năm	-	535.613.620	147.323.453	-	682.937.073
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.914.068.252)	(2.638.919.966)	(370.590.000)	(12.923.578.218)
- Giảm khác - Phân loại lại	-	(1.301.993.597)	-	-	(1.301.993.597)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>460.600.507</u>	<u>7.829.694.983</u>	<u>10.472.356.678</u>	<u>103.334.999</u>	<u>18.865.987.167</u>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2022	-	3.740.504.771	982.958.840	-	4.723.463.611
- Tại ngày 31/12/2022	-	<u>128.561.413</u>	<u>835.635.387</u>	-	<u>964.196.800</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2022	460.600.508	15.883.833.178	12.509.513.849	103.334.999	28.957.282.534
Tại ngày 31/12/2022	<u>460.600.507</u>	<u>7.600.576.639</u>	<u>9.870.593.883</u>	<u>103.334.999</u>	<u>18.035.106.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09 – DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)
- Công ty Cổ phần Lilama 3.4	2.990.000.000	(i)	(2.990.000.000)	2.990.000.000	(i)	(2.990.000.000)
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	5.814.000.000	(i)	(5.647.043.978)	5.814.000.000	(i)	(5.647.043.978)
- Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)
Cộng	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.765.976.575	-	1.647.475.984	372.814.986	4.491.315.577	-
- Thuế thu nhập cá nhân	109.530.795	-	10.331.469	306.447.398	405.646.724	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	34.249.731	34.249.731	-
- Các loại thuế khác	109.887.952	-	96.319.449	57.064.931	70.633.434	-
Cộng	5.985.395.322	-	1.754.126.902	770.577.046	5.001.845.466	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	40.192.302.753	40.192.302.753	52.511.651.382	52.511.651.382
- Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	7.124.514.355	7.124.514.355	648.965.517	648.965.517
- Công ty Cổ phần Công trình đường thủy VINAWACO	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282	2.136.323.282
- Phải trả khác	30.931.465.116	30.931.465.116	49.726.362.583	49.726.362.583
Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	3.552.473.664	3.552.473.664	3.628.473.664	3.628.473.664
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	1.780.352.518	1.780.352.518	1.756.352.518	1.756.352.518
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	1.772.121.146	1.772.121.146	1.872.121.146	1.872.121.146
Cộng	43.744.776.417	43.744.776.417	56.140.125.046	56.140.125.046

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.151.776.580	8.827.956.102
- Tổng Công ty Cổ phần thương mại xây dựng	-	2.882.458.062
- Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200
- Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000
- Khách hàng khác	3.265.260.380	3.058.981.840
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	6.151.776.580	8.827.956.102

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình	12.463.255.209	5.625.156.713
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	6.155.761.288	5.449.540.424
- Trích trước chi phí khác	2.314.758.188	3.543.667.279
Cộng	20.933.774.685	14.618.364.416

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.457.579.341	1.509.008.997
- Bảo hiểm xã hội	37.270.757.478	35.008.281.619
- Bảo hiểm y tế	2.636.973.845	2.656.753.371
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.788.070.816	2.718.254.303
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.999.338.746	27.468.575.179
+ Đoàn phí công đoàn	921.035.229	981.706.797
+ Phải trả các tổ đội thi công	8.463.283.544	16.466.896.318
+ Phải trả đối tượng khác	3.615.019.973	10.019.972.064
Cộng	57.152.720.226	69.360.873.469

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

TT	Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình (i)	25.988.287.164	25.988.287.164	18.551.077.141	22.555.282.742	29.992.492.765	29.992.492.765
-	Ông Doãn Thanh Tuấn (iii)	144.757.200.000	144.757.200.000	381.559.015.129	236.801.815.129	-	-
-	Vay cá nhân khác(ii)	3.335.000.000	3.335.000.000	21.341.000.000	24.446.000.000	6.440.000.000	6.440.000.000
-	Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo (iv)	1.450.000.000	1.450.000.000	-	-	1.450.000.000	1.450.000.000
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	-	-	-	381.559.015.129	381.559.015.129	381.559.015.129
	Cộng	175.530.487.164	175.530.487.164	421.451.092.270	665.362.113.000	419.441.507.894	419.441.507.894

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/399106/HĐTD ngày 16/11/2021 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/10/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.
- (ii) Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất 3-5%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.
- (iii) Các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Ông Doãn Thanh Tuấn đã mua lại từ Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua đấu giá tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 19/01/2022 với giá trị là 381.559.015.129 VND, trong đó số tiền gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Theo biên bản thoả thuận cơ cấu xử lý khoản nợ ngày 02/12/2022 giữa Công ty và ông Doãn Thanh Tuấn thì ông Tuấn đã đồng ý xoá nợ khoản lãi phải trả với số tiền là 232.853.815.129 VND và đồng ý không tính lãi đối với phần nợ gốc còn lại từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2022 là 144.757.200.000 VND, dự kiến được cơ cấu lại theo biên bản thoả thuận thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 13.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương đương số nợ gốc là 138.500.000.000 VND.
- (iv) Vay Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo theo hợp đồng vay số 0212/HĐVV ký ngày 01 tháng 08 năm 2012 với thời hạn là 03 tháng và mức lãi suất là 14%/năm. Khoản cho vay ngắn hạn này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay đã được gia hạn đến ngày 01 tháng 02 năm 2020 và được điều chỉnh lãi suất xuống còn 9%/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước						
Số dư tại ngày 01/01/2021	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(470.911.968.642)	(397.754.540.293)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(11.322.369.551)	(11.322.369.551)
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>51.500.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>	<u>7.173.239.116</u>	<u>234.189.233</u>	<u>(482.234.338.193)</u>	<u>(409.076.909.844)</u>
Năm nay						
Số dư tại ngày 01/01/2022	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(482.234.338.193)	(409.076.909.844)
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.395.153.141	40.395.153.141
- Tăng do được xoá nợ	-	-	-	-	232.853.815.129	232.853.815.129
- Tăng khác (i)	-	-	-	-	21.657.428.349	21.657.428.349
- Giảm khác (i)	-	(14.250.000.000)	(7.173.239.116)	(234.189.233)	-	(21.657.428.349)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>51.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(187.327.941.574)</u>	<u>(135.827.941.574)</u>

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2022 đã thông qua phương án sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và các quỹ để bù đắp lỗ lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	-	25.630.000.000
- Ông Doãn Thanh Tuấn	25.630.000.000	-
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

- (i) Ông Doãn Thanh Tuấn đã mua 2.563.600 cổ phần tại Công ty từ Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua đấu giá tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ngày 19/01/2022.

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	62.933.659.684	26.407.134.364
Cộng	62.933.659.684	26.407.134.364

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	55.238.758.871	24.255.633.952
Cộng	55.238.758.871	24.255.633.952

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	507.033	319.454
Cộng	507.033	319.454

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	2.768.852.671	11.028.117.759
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.046.298.744
Cộng	2.768.852.671	12.074.416.503

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.483.983.612	2.061.826.196
- Chi phí nhân công	3.604.103.271	3.945.299.609
- Chi phí khấu hao TSCĐ	129.405.272	129.405.272
- Thuế, phí, lệ phí	34.202.460	18.265.449
- Chi phí dự phòng	2.441.072.055	(1.574.241.214)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.252.008	713.462.729
- Chi phí khác bằng tiền	911.100.317	205.859.596
Cộng	9.760.118.995	5.499.877.637

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thu nhập từ bán phế liệu	13.650.000	1.348.267.000
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.938.456.272	-
- Thu nhập từ công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã xóa sổ (i)	25.974.314.090	-
- Thu nhập khác kế thừa từ DATC (ii)	19.890.065.063	-
- Thu nhập khác	10.479.316	5.245.730.913
Cộng	50.826.964.741	6.593.997.913

(i) Các khoản công nợ phải trả không xác định chủ nợ đề nghị xóa sổ và đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 06/12/2022.

(ii) Là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Lilama 3 tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long được kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp từ Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/01/2019. Việc ghi nhận bổ sung khoản công nợ này vào thu nhập khác được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.7 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ bàn giao cho chủ nợ để xử lý tài sản đảm bảo	3.071.280.404	-
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	2.136.628.272	2.108.069.884
- Chi phí tận thu phế liệu	13.893.909	336.076.710
- Chi phí khác	371.395.861	49.746.596
Cộng	5.593.198.446	2.493.893.190

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	35.123.949.272	13.481.845.899
- Chi phí nhân công	9.417.521.803	10.200.883.058
- Khấu hao tài sản cố định	682.937.073	846.296.428
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.532.668.075	3.760.666.441
- Chi phí bằng tiền khác	1.755.202.131	800.869.171
Cộng	63.512.278.354	29.090.560.997

6.9 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.326.215	389.690.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.490.796.968	106.699.847.230
Đầu tư dài hạn	166.956.022	166.956.022
Cộng	125.956.079.205	107.256.493.281
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	175.530.487.164	419.441.507.894
Phải trả người bán và phải trả khác	56.744.115.163	83.608.700.225
Chi phí phải trả	20.933.774.685	14.618.364.416
Cộng	253.208.377.012	517.668.572.535
Trạng thái ròng	(127.252.297.807)	(410.412.079.254)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2022			
Vay và nợ thuê tài chính	175.530.487.164	-	175.530.487.164
Phải trả người bán và phải trả khác	56.744.115.163	-	56.744.115.163
Chi phí phải trả	20.933.774.685	-	20.933.774.685
Cộng	253.208.377.012	-	253.208.377.012
01/01/2022			
Vay và nợ thuê tài chính	419.441.507.894	-	419.441.507.894
Phải trả người bán và phải trả khác	83.608.700.225	-	83.608.700.225
Chi phí phải trả	14.618.364.416	-	14.618.364.416
Cộng	517.668.572.535	-	517.668.572.535

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.326.215	-	298.326.215
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.490.796.968	-	125.490.796.968
Đầu tư dài hạn	-	166.956.022	166.956.022
Cộng	125.789.123.183	166.956.022	125.956.079.205
01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	389.690.029	-	389.690.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.699.847.230	-	106.699.847.230
Đầu tư dài hạn	-	166.956.022	166.956.022
Cộng	107.089.537.259	166.956.022	107.256.493.281

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.10 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
- Lưu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 9/4/2022)	6.000.000	36.000.000
- Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	267.938.649	242.505.077
- Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	5.000.000	30.000.000
- Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	5.000.000	30.000.000
-	Thành viên HĐQT	-	
- Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	265.551.742	187.791.363
- Nguyễn Hải Phong	Phó TGĐ	132.523.504	108.992.966
- Nguyễn Tăng Phương	Phó TGĐ	211.899.290	154.973.118
- Phạm Xuân Rạng	Trưởng BKS (đến ngày 10/03/2022)	5.000.000	30.000.000
- Hà Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS (từ ngày 31/03/2022)	41.132.927	-
- Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên (đến ngày	4.000.000	24.000.000
- Hoàng Trọng Kim	Kiểm soát viên (từ ngày 31/03/2022)	250.198.467	-
- Tạ Như Điền	Kiểm soát viên	183.089.430	78.432.327
- Nguyễn Đức Thịnh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	235.835.567	170.291.363
Tổng cộng		1.613.169.576	1.092.986.214

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Ông Doãn Thanh Tuấn	Cổ đông lớn - Thành viên Hội đồng quản trị	Giảm nợ vay	236.801.815.129
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Công ty con	Lãi vay phải trả	132.312.500

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Ông Doãn Thanh Tuấn	Cổ đông lớn - Thành viên Hội đồng quản trị	Vay	(144.757.200.000)
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Công ty con	Vay	(1.450.000.000)
		Phải trả người bán	(1.772.121.146)
		Phải thu khác	3.192.000
		Phải trả khác	(1.467.950.003)
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	24.000.065.063
Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	Công ty con	Phải trả người bán	(1.780.352.518)
		Phải thu khác	10.563.696.628
		Phải trả khác	(285.514.000)

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 187.322.892.240 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 135.822.892.240 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 139.075.001.015 VND. Các chỉ tiêu nêu trên cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.



Đình Tiên Thành
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu